

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 01 - 2023

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Đặng Xuân Bộ**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Hồng Canh**

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Như Quỳnh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông **Hoàng Tuấn Dũng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 67/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Đức N**, sinh năm: 1993. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 1, xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Hoàng Ngọc A**, sinh năm 1993. (Có mặt)

HKTT: Khu 1, xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Ch, xã ĐT, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn anh Nguyễn Đức N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh kết hôn từ ngày 19/11/2014, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận hạnh phúc, đến tháng 2 năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, dthường xuyên xảy ra cãi vã, đến năm 2021 vợ anh bỏ về nhà ngoại, từ đó đến nay

vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh có nguyện vọng được ly hôn với chị Hoàng Ngọc A.

Về con chung: Có 2 con chung:

Cháu Nguyễn Hoàng Anh Kh, sinh ngày 18/11/2015.

Cháu Nguyễn Thanh M, sinh ngày 28/02/2018.

Hiện nay, hai cháu đều đang ở với mẹ. Ly hôn anh đồng ý để chị A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu. Anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/cháu.

Về tài sản chung, vay nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: không có.

****Bị đơn chị Hoàng Ngọc A trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị kết hôn từ ngày 19/11/2014, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không ai bị ép buộc. Cuộc sống vợ chồng chị hạnh phúc, anh đi làm tiếp thị kinh doanh cám, hàng ngày đưa đón chị đi làm, vợ chồng rất yêu thương nhau. Cho đến khi bố mẹ chồng chị muốn chồng chị đi xuất khẩu lao động vào tháng 11/2019. Từ đó tôi cùng hai con ở nhà với bố mẹ chồng và một cháu gái con của chị chồng. Thời gian anh N đi xuất khẩu lao động vợ chồng vẫn hàng ngày gọi điện thoại hỏi thăm chăm sóc nhau. Giữa vợ chồng không có bất kỳ mâu thuẫn nào. Tôi ở nhà làm việc ở khu công nghiệp Hoàng Xá đến tháng 4/2021, giữa tôi với bố mẹ chồng có xích mích, bố chồng tôi đuổi tôi ra khỏi nhà không coi tôi là con dâu. Vì vậy chị đưa các con về nhà ngoại sinh sống từ ngày 04/04/2021 đến nay. Tháng 9/2022, anh N đi lao động ở nước ngoài về nhưng không quan tâm đến con cái. Anh còn có quan hệ ngoại tình và đưa người phụ nữ khác đến ở chung sống như vợ chồng.

Chị xác định giữa chị anh Nguyễn Đức N không có mâu thuẫn gì cả, chị muốn con cái có đầy đủ bố mẹ để các cháu không bị ảnh hưởng về tâm lý, vì vậy chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 2 con chung:

Cháu Nguyễn Hoàng Anh Kh, sinh ngày 18/11/2015.

Cháu Nguyễn Thanh M, sinh ngày 28/02/2018.

Chị không đồng ý ly hôn, muốn gia đình đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái.

Tại phiên Tòa, chị A xác định đồng ý ly hôn với anh N với điều kiện anh N để cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 2 con chung và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TV xác định: Vợ chồng anh N và chị A có hộ khẩu thường trú tại khu 1, xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Cuối năm 2019, anh N có đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị A địa phương có nắm được do giữa năm 2021, chị A cùng con đã về nhà ngoại ở Vĩnh Phúc sinh sống, đến nay khi anh N đã đi xuất khẩu lao

động về nhưng chị A và con vẫn ở nhà ngoại. Nay anh N có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

***Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:**

- **Về thủ tục tố tụng:** Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- **Về nội dung vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh N, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức N và chị Hoàng Ngọc A.

Về con chung: Có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Anh Kh, sinh ngày 18/11/2015; cháu Nguyễn Thanh M, sinh ngày 28/02/2018.

Giao cháu Khoa và cháu Mai cho chị Hoàng Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu Khoa và cháu Mai thành niên. Anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/cháu, cấp dưỡng theo tháng, từ tháng 1/2023 đến khi cháu Khoa và cháu Mai thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh N và chị A đề xác định không có.

Về án phí: Anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã làm đúng các trình tự theo quy định của pháp luật. Tòa án đã báo gọi và triệu tập các đương sự đến Tòa án để làm việc và hòa giải nhưng tại các phiên hòa giải anh N và chị A đã không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức N và chị Hoàng Ngọc A kết hôn từ ngày 19/11/2014. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị Hoàng Ngọc A và anh Nguyễn Đức N là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, anh N đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, chị A chung sống với bố mẹ chồng xảy ra mâu thuẫn. Tháng 4/2021 chị A đã đưa 2 con về nhà ngoại ở Vĩnh Phúc sinh sống đến nay không còn quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc lẫn nhau. Anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị được ly hôn với chị A. Chị A xác định vợ chồng đã cắt đứt mọi liên lạc, anh

N cũng không chu cấp cho các con từ tháng 4/2021. Anh N cũng đã có người phụ nữ khác. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị A không đồng ý ly hôn vì mong muốn con cái có cả bố mẹ.

Tại phiên tòa, anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho ly hôn, chị A đồng ý ly hôn.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức N và chị Hoàng Ngọc A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh Nguyễn Đức N xin ly hôn, chị Hoàng Ngọc A đồng ý ly hôn, vì vậy cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức N và chị Hoàng Ngọc A.

[3] Về con chung: Anh N và chị A đều xác nhận có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Anh Kh, sinh ngày 18/11/2015; cháu Nguyễn Thanh M, sinh ngày 28/02/2018.

Sau khi ly hôn, anh N đồng ý để chị A trực tiếp nuôi dưỡng 2 con và có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, từ tháng 1/2023 đến khi cháu Khoa và cháu Mai thành niên.

Chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu kể từ khi chấp dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi 2 cháu thành niên và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung: Tòa án tiến hành xem xét điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị A và anh N thấy chị A có công việc thu nhập ổn định, về điều kiện ăn ở cũng như điều kiện chăm sóc con đều đảm bảo. Cháu Khoa có nguyện vọng ở với mẹ. Anh N cũng có nguyện vọng để chị A trực tiếp nuôi dưỡng 2 cháu.

Vì vậy cần giao cháu cháu Nguyễn Hoàng Anh Kh và cháu Nguyễn Thanh M cho chị Hoàng Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

- Về cấp dưỡng: Anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, từ tháng 1/2023 đến khi cháu Khoa và cháu Mai thành niên.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Anh N và chị A đều xác định không có.

[4] Về án phí: Do các bên thoả thuận được việc ly hôn nên hai bên phải chịu một phần hai mức án phí; anh N nhận chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

*Căn cứ: Khoản 1, Điều 51; Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107; Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

*Căn cứ: Điểm a, Khoản 5; Điểm a, b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức N và chị Hoàng Ngọc A.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Anh Kh, sinh ngày 18/11/2015; cháu Nguyễn Thanh M, sinh ngày 28/02/2018 cho chị Hoàng Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu Khoa và cháu Mai thành niên.

Anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng/tháng), cấp dưỡng theo tháng, từ tháng 1/2023 đến khi cháu Khoa và cháu Mai thành niên.

Anh N và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không có

4. Về án phí DSST: Anh Nguyễn Đức N tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2020/0006054 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Anh N còn phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

“Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a Điều 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã TV (Nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Xuân Bộ

